

## **THÔNG BÁO LIÊN QUAN ĐẾN LÃI SUẤT CHO VAY CƠ BẢN (“BLR”) ÁP DỤNG ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP**

**Ngày hiệu lực: 25/01/2018**

Trong trường hợp lãi suất của khoản vay theo Hợp Đồng Tín Dụng/Thỏa Thuận Chung Về Tiện Ích liên quan là **BLR + Lãi Biên\***, Quý Khách vui lòng tham khảo thông tin BLR dưới đây.

| <b>Thời hạn vay</b> | <b>USD BLR (%)</b> | <b>VND BLR (%)</b> |
|---------------------|--------------------|--------------------|
| <b>Qua đêm</b>      | 3.87               | 3.50               |
| <b>1 tuần</b>       | 3.99               | 3.10               |
| <b>2 tuần</b>       | 4.02               | 3.31               |
| <b>1 tháng</b>      | 4.08               | 3.81               |
| <b>2 tháng</b>      | 4.16               | 4.63               |
| <b>3 tháng</b>      | 4.28               | 5.54               |
| <b>4 tháng</b>      | 4.32               | 5.59               |
| <b>5 tháng</b>      | 4.36               | 5.63               |
| <b>6 tháng</b>      | 4.40               | 5.68               |
| <b>7 tháng</b>      | 4.43               | 5.70               |
| <b>8 tháng</b>      | 4.46               | 5.72               |
| <b>9 tháng</b>      | 4.49               | 5.74               |
| <b>10 tháng</b>     | 4.52               | 5.76               |
| <b>11 tháng</b>     | 4.55               | 5.79               |
| <b>12 tháng</b>     | 4.58               | 5.81               |

\* Lãi Biên được xác định theo Hợp Đồng Tín Dụng/Thỏa Thuận Chung Về Tiện Ích.

### **Lưu ý:**

Giám Đốc Quan Hệ Khách Hàng của Ngân Hàng sẽ thông báo riêng với Quý Khách BLR của khoản vay trong trường hợp:

- (i) Các khoản vay trị giá trên 10 tỷ VNĐ hoặc trên 01 triệu USD; và/hoặc
- (ii) Thời hạn khoản vay trên 1 năm; và/hoặc
- (iii) Các khoản vay bằng các loại ngoại tệ khác.